

Bản án số: 10/2021/HSST
Ngày 26 - 5 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Kiên và ông Nguyễn Đăng Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/TLST - HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST-QĐ ngày 23/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/HSST-QĐ ngày 22/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/HSST-QĐ ngày 30/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/HSST-QĐ ngày 28/4/2021 đối với bị cáo:

Điều N; sinh năm 1991 tại Đắk Nông; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: M'Nông; tôn giáo: Không; con ông Điều Kh (đã chết) và bà Thị B, sinh năm 1959; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2020 đến nay – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Bà Bùi Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đắk Nông, bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo – có mặt.

- Bà Nguyễn Thị X – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đắk Nông, bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo – có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị hại: Chị Thị Ch, sinh năm 1987 (chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: bà Thị U, sinh năm 1947; trú tại: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là mẹ đẻ của chị Thị Ch – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thị U: chị Thị Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Thị P, sinh năm 1995; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- Bà Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- Cháu Thị Th, sinh ngày 28/12/2007 và cháu Thị L; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Th, L: anh Điều Kh, sinh năm 1984; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người phiên dịch: Anh Điều M, sinh năm 1979 – Dân tộc M'Nông, cán bộ Phòng Dân tộc huyện T, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người làm chứng:

- Chị Thị Ch, sinh năm 1987; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1987; địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 11/6/2020, Điều N đang uống rượu tại nhà anh Sơn Ngọc G, Bon B, xã Q, huyện T, thì chị Thị Ch, trú tại bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, đến chơi. Lúc này Thị Ch đã say rượu và do hết rượu nên Điều N rủ Thị Ch đi mua rượu để uống tiếp thì Thị Ch đồng ý.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 12/6/2020, sau khi mua được rượu, Điều N điều khiển xe mô tô biển số 63H6- 2911 chở Thị Ch đến khu vực bờ đập, thuộc Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, để tiếp tục uống rượu. Trên đường đi, do đường dốc, trơn trượt nên Điều N và Thị Ch bị ngã xe, do say rượu nên Thị Ch nằm tại chỗ còn Điều N dắt xe mô tô đến bãi đất gần đường bê tông, cách vị trí ngã xe 11mét rồi dựng xe ở đó. Điều N quay lại vị trí Thị Ch đang nằm (tư thế nằm ngửa) cầm hai tay của Thị Ch kéo ngồi dậy, khi Thị Ch ngồi dậy, do nghĩ bị ngã xe là do Thị Ch ngồi không vững nên Điều N chửi và dùng tay nắm mạnh liên tiếp nhiều cái vào vùng đầu và mặt của Thị Ch, làm Thị Ch ngã xuống đất nằm im. Sau đó, Điều N kéo Thị Ch vào lề đường lấy chiếc chăn len (chăn của Thị Ch mang theo sẵn) đắp lên người Thị Ch để Thị Ch nằm tại đó rồi điều khiển xe mô tô về nhà ngủ. Đến khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, Điều N thức dậy và điều khiển xe mô tô đến vị trí của Thị Ch đang nằm thì phát hiện Thị Ch đã chết nên trình báo với Công an xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Tại bản giám định pháp y về tử thi số 74/TgT ngày 16/6/2020 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: chị Thị Ch bị nhiều vết sưng nề, bầm tím

vùng đầu mặt, máu tụ dưới màng cứng hai bên bán cầu đại não, dịch não tủy đỏ; nguyên nhân chết: chấn thương sọ não kín, tụ máu dưới màng cứng, xuất huyết khoang dưới nhện hai bên; thời gian chết trước khi khám nghiệm tử thi khoảng trên 10 giờ; vật gây ra thương tích là vật tày; chấn thương tại má phải là chấn thương mạnh gây ra tụ máu dưới màng cứng bán cầu não phải số lượng nhiều, dẫn đến tử vong nhanh.

Tại Công văn số 36/CV-TTPY ngày 06/01/2021 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Nông xác định: Vết sưng nề bầm tím da nhẹ, trên đó có vết rách da nhỏ (02x01cm), bờ mép dập nham nhỡ tại vùng đỉnh thái dương phải là do vật tày tác động gây nên. Má phải sưng nề, bầm tím và tụ máu dưới da cơ là do vật tày tác động mạnh hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái gây nên. Má trái sưng nề, bầm tím và tụ máu dưới da cơ là do vật tày tác động hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải gây nên.

Tại bản giám định số 634/C09C ngày 16/6/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại Tp.Đà Nẵng thuộc Viện khoa học hình sự, kết luận: Trong mẫu ghi thu dịch trong âm đạo của Thị Ch không có xác tinh trùng người.

Cáo trạng số 38/CTr-VKS ngày 29/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã truy tố bị cáo Điều N về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xác định: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/6/2020, Điều N điều khiển xe mô tô chở Thị Ch đến bờ đập thuộc Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông để uống rượu, khi đến bờ đập, do đường dốc, trơn trượt nên cả hai bị ngã xe, Điều N tức nên chửi và dùng tay nắm mạnh liên tiếp nhiều cái vào vùng đầu và mặt của Thị Ch làm Thị Ch ngã xuống đất; Điều N kéo Thị Ch vào lề đường để nằm một mình tại đó và bỏ về nhà. Hậu quả làm Thị Ch tử vong do chấn thương sọ não kín, tụ máu dưới màng cứng, xuất huyết khoang dưới nhện hai bên, hành vi của bị cáo Điều N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” với tình tiết “*Làm chết người*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Điều N từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 10 sợi tóc; 01 mẫu niêm mạc miệng thu bằng tăm bông y tế; 01 mẫu dịch âm đạo (*hoàn lại sau giám định*) và 01 đôi dép tổ ong màu vàng có size 41 do không còn giá trị sử dụng.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại chiếc xe mô tô biển số 63H6 – 2911 cho Điều N là người quản lý hợp pháp.

Trách nhiệm dân sự: Chấp nhận tại phiên tòa, bị cáo Điều N đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng chi phí mai táng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại. Buộc bị cáo Điều N phải cấp dưỡng cho cháu Thị Th, sinh ngày 28/12/2007 theo quy định của pháp luật. Tách yêu cầu cấp dưỡng của cháu Thị L để giải quyết tại vụ án dân sự khác.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã ra tự thú và tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại theo phong tục địa phương các tài sản với trị giá 12.500.000 đồng; tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường số tiền 50.000.000 đồng chi phí mai táng và tiền bù đắp về tinh thần cho gia đình bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về phần trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải cấp dưỡng cho con chưa thành niên của bị hại là cháu Thị Th, sinh ngày 28/12/2007 theo quy định của pháp luật; đối với cháu Thị L, không có chứng cứ chứng minh quan hệ giữa cháu Thị L với bị hại Thị Ch nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Thị L. Do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Điều N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan và đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng chi phí mai táng và tiền bù đắp về tinh thần theo yêu cầu của gia đình người bị hại. Đối với tiền cấp dưỡng cho 02 con của bị hại Thị Ch, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Bị cáo Điều N không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Sau khi uống rượu tại nhà anh Sơn Ngọc G, tại **Bon B**, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/6/2020, Điều N điều khiển xe mô tô

chờ Thị Ch đến bờ đập thuộc Bon B, xã Q, để tiếp tục uống rượu. Khi đến bờ đập, do đường dốc, trơn trượt nên cả hai bị ngã xe; do ngã bị ngã xe là do Thị Ch ngồi không vững nên Điều N tức giận, dùng tay nắm mạnh nhiều cái vào vùng đầu và mặt của Thị Ch làm Thị Ch ngã xuống đất. Hậu quả, chị Thị Ch bị tử vong do chấn thương sọ não kín, tụ máu dưới màng cứng, xuất huyết khoang dưới nhện hai bên; vật gây ra thương tích là vật tày; chấn thương tại má phải là chấn thương mạnh gây ra tụ máu dưới màng cứng bán cầu não phải số lượng nhiều, dẫn đến tử vong nhanh.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 08/12/2020, Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định số 04/2020/HSST-QĐ trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung với nội dung: *“Điều tra làm rõ Điều N dùng tay trái hay tay phải đánh bị hại, đánh bao nhiêu cái và đánh vào đâu trên cơ thể bị hại; điều tra làm rõ cơ chế hình thành vết thương vùng má phải của bị hại do đâu mà có, có phải do Điều N gây ra không? Điều tra làm rõ vết thương vùng đỉnh đầu phải của bị hại từ đâu mà có, cơ chế hình thành và có phải do Điều N gây ra không?”*

Tại Công văn số 36/CV-TTPY ngày 06/01/2021 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Đắk Nông xác định: *“Vết sưng nề bầm tím da nhẹ, trên đó có vết rách da nhỏ (02x01cm), bờ mép dập nham nhỡ tại vùng đỉnh thái dương phải là do vật tày tác động gây nên. Má phải sưng nề, bầm tím và tụ máu dưới da cơ là do vật tày tác động mạnh hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái gây nên. Má trái sưng nề, bầm tím và tụ máu dưới da cơ là do vật tày tác động mạnh hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải gây nên”*. Tại Biên bản thực nghiệm điều tra, Bản ảnh thực nghiệm điều tra ngày 10/9/2020, các Biên bản hỏi cung bị can ngày 03/7/2020, 14/9/2020; ngày 08/01/2021 và tại phiên tòa bị cáo Điều N đều thừa nhận: *“Khi Thị Ch đang nằm (tư thế nằm ngửa), Điều N nắm lấy 02 tay kéo Thị Ch ngồi dậy; khi Thị Ch ngồi dậy, Điều N đang trong tư thế đứng, tay trái của Điều N nắm lấy tay phải của Thị Ch thì đầu của Thị Ch quay nghiêng sang trái, Điều N dùng tay phải cuộn nắm đấm, đánh theo hướng từ phải sang trái, từ trước ra sau 02 cái liên tiếp vào vùng má phải và trái của bị hại”*, do đó, xác định được thương tích ở vùng má phải, dẫn đến cái chết của Thị Ch là do Điều N gây ra.

Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Điều N phạm tội *“Cố ý gây thương tích”* với tình tiết *“Làm chết người”* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Điều N về tội “*Cố ý gây thương tích*” với tình tiết “*Làm chết người*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án do bị cáo Điều N gây ra là rất nghiêm trọng. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện; hành vi dùng tay nắm nhiều cái vào vùng mặt của bị hại, làm cho bị hại bị tử vong đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã ra đầu thú và tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại Thị Ch theo phong tục địa phương bao gồm: 01 con bò, 01 con dê, 01 con; 10 lít rượu và 05 thùng nước ngọt, tổng giá trị 12.050.000 đồng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Kết hợp tình tiết giảm nhẹ nêu trên để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Đối với quan điểm của Kiểm sát viên và người bào chữa cho rằng sau: bị cáo được hưởng tình tiết “*người phạm tội tự thú*” theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: sau khi người dân và cơ quan chức năng phát hiện Thị Ch tử vong thì sau đó Điều N mới đến Công an huyện T trình diện và khai báo, đây là tình tiết “*Đầu thú*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 4 Bộ luật tố tụng hình sự và chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Quan điểm của Kiểm sát viên và người bào chữa là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị hại bà Thị U yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản:

- Chi phí mai táng:

+ Tiền quan tài: 10.000.000 đồng.

+ Tiền thuê rạp: 2.000.000 đồng.

+ Tiền mua gà, heo, gạo, chè, thuốc, cà phê: 9.100.000 đồng.

+ Tiền thuê xe: 500.000 đồng.

+ Tiền đào huyệt: 3.000.000 đồng.

+ Tiền chở củi, nước: 1.700.000 đồng.

- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 23.700.000 đồng.

Tổng cộng 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Điều N đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng chi phí mai táng và tiền bù đắp tinh thần theo yêu cầu của gia đình bị hại. Xét thấy, thỏa thuận giữa bị cáo và gia đình bị hại là hoàn toàn tự

nguyên, không bị ép buộc và đúng pháp luật nên cần ghi nhận. Buộc bị cáo Điều N phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho gia đình bị hại, người đại diện nhận là bà Thị U.

[5.2] Đối với yêu cầu cấp dưỡng của anh Điều Kh, người đại diện theo pháp luật của cháu Thị Th, sinh ngày 28/12/2007 và cháu Thị L: yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với cháu Thị L, quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh hồ sơ nhân khẩu của hộ anh Điều Kh, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q nhưng không xác định được ngày, tháng, năm sinh của cháu Thị L; tại phiên tòa, anh Điều Kh trình bày: do không hiểu biết pháp luật nên đã không đăng ký khai sinh cho cháu Thị L. Do chưa có điều kiện chứng minh ngày, tháng, năm sinh của cháu Thị L và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên cần tách ra giải quyết tại vụ án dân sự khác theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với mức yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/cháu của anh Điều Kh là cao, chưa phù hợp với thu nhập và khả năng thực tế của bị cáo Điều N vì bị cáo chỉ có công việc làm nông tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần, buộc bị cáo Điều N phải cấp dưỡng cho cháu Thị Th $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở: $\frac{1}{2}$ 1.490.000 đồng = 745.000 đồng/tháng từ ngày 12/6/2020 cho đến khi cháu Thị Th đủ mười tám hoặc đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 61 Luật Hôn nhân gia đình. Người đại diện nhận cấp dưỡng cho cháu Thị Th là anh Điều Kh.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 10 sợi tóc; 01 mẫu niêm mạc miệng thu bằng tăm bông y tế; 01 mẫu dịch âm đạo (*hoàn lại sau giám định*) và 01 đôi dép tổ ong màu vàng có size 41, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 63H6 – 2911 là tài sản hợp pháp của Điều N, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại bị cáo có cơ căn cứ, cần chấp nhận theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường chi phí mai táng, tiền bù đắp tinh thần và cấp dưỡng, xét thấy bị cáo Điều N là người dân tộc thiểu số ở xã có hoàn cảnh kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Điều N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Điều N 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Điều N với gia đình bị hại. Buộc bị cáo Điều N phải bồi thường cho gia đình bị hại Thị Ch số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) chi phí mai táng và tiền bù đắp tinh thần, người đại diện nhận tiền là bà Thị U.

- Buộc bị cáo Điều N phải cấp dưỡng cho cháu Thị Th, sinh ngày 28/12/2007. Hình thức cấp dưỡng hàng tháng với mức 745.000 đồng/tháng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) kể từ ngày 12/6/2020 cho đến khi cháu Thơm đủ 18 tuổi hoặc đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 61 Luật Hôn nhân gia đình; người đại diện nhận tiền là anh Điều Kh.

- Tách yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Thị L giải quyết tại vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; căn cứ điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 10 sợi tóc; 01 mẫu niêm mạc miệng; 01 mẫu dịch âm đạo (*hoàn lại sau giám định*) và 01 đôi dép tổ ong. (Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/10/2020 giữa Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

- Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại chiếc xe mô tô biển số 63H6 – 2911 cho bị cáo Điều N.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Điều N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Điều N.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC 06, PC 10 - CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Bị cáo; đương sự; người bào chữa;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung